

Án số: 26/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 18/5/2023

“*Tranh chấp Ly hôn*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đỗ Thị Thanh Nhân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thuý Mai

2. Ông Phạm Lành

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Vũ Hoàng Yên – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên: ông Nguyễn Ngọc Vân – Chức vụ Kiểm sát viên.

Ngày 18/5/2023 tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Thái Nguyên xét xử sơ thẩm, công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm, thụ lý số: 813/2023/TLST-HNGĐ ngày 27/12/2022 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/QĐST-HNGĐ ngày 03/4/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1962

Nơi cư trú: Tổ 10, phường T, TP. T, tỉnh Thái Nguyên

Bị đơn: Bà Lê Kim T, sinh năm 1960

Nơi cư trú: Tổ 10, phường T, TP. T, tỉnh Thái Nguyên

(Ông Thực có mặt, bà T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai tại phiên toà ông Thực trình bày: Ông và bà T đăng ký kết hôn lần đầu vào năm 1988, do trong cuộc sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn nên đã ly hôn năm 1999. Sau một thời gian chúng tôi lại về chung sống với nhau và đăng ký kết hôn vào năm 2000, tại Uỷ ban nhân dân phường Quán Triều, thành phố Thái Nguyên trên cơ sở tự nguyện.

Quá trình chung sống vợ chồng ông tiếp tục xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, bà T không chăm lo làm ăn để ổn định cuộc sống gia đình mà chỉ mải chơi, tiêu tiền hoang phí. Vì những lý do trên mà cuộc sống hôn nhân luôn căng thẳng. Vợ chồng sống ly thân

từ tháng 12 năm 2021, không còn ai quan tâm đến nhau nữa. Hiện nay bà T sống ở đâu ông Thực không rõ, chỉ thỉnh thoảng về lấy đồ hoặc thăm con. Đến nay ông Thực xác định mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng đã hết, mâu thuẫn đã ở mức trầm trọng đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Huyền T, sinh năm 1987 và Nguyễn Thanh L, sinh năm 1991.

Các con đã trưởng thành không yêu cầu toà án giải quyết

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, ông Thực không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết, bà T không đến Tòa giải quyết vụ án cũng như không tham gia phiên họp công bố tài liệu công khai chứng cứ và hòa giải tại tòa mặc dù tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho bà T theo quy định pháp luật nên vụ án phải đưa ra xét xử.

Tòa án xác minh tại địa phương được biết hiện nay bà T hàng ngày đi làm ăn xa vẫn thỉnh thoảng về thăm nhà. Quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, không còn ở với nhau nữa.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Việc tiếp nhận đơn của Tòa án, việc thụ lý đơn khởi kiện và quá trình giải quyết của Hội đồng xét xử và việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của BLTTDS;

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng; bị đơn không thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 BLTTDS.

2. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX Căn cứ các Điều 28, 35, 39 BLTTDS, Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Nghị quyết 326 của Quốc hội, giải quyết theo hướng:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T, cho ông Thực được ly hôn với bà T.

Về con chung: Các con đã trưởng thành nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

Về sản chung, nợ chung: Không giải quyết do không có yêu cầu.

Về án phí: Buộc ông Thực chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án ly hôn căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện. Bị đơn bà T có nơi cư trú tại thành phố Thái

Nguyên, căn cứ vào điểm a khoản 1, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên.

Tại phiên tòa bị đơn – bà T vắng mặt, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập phiên tòa lần thứ hai nhưng bà T vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà T.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T kết hôn với bà Lê Kim T năm 2000, có đăng ký kết hôn tại UBND Quán Triều, thành phố Thái Nguyên trên cơ sở tự nguyện do đó được công nhận là cuộc hôn nhân hợp pháp. Ông Thực trình bày sau khi kết hôn, vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, không có tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2021, không còn quan tâm, chia sẻ với nhau. Nay ông Thực xác định tình cảm vợ chồng không còn xin được ly hôn với bà T. Bà T mặc dù đã được tổng đạt các văn bản, quyết định liên quan nhưng không hợp tác để giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng ông Thực và bà T đã ở mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, ông Thực xác định tình cảm không còn và kiên quyết xin ly hôn vì vậy việc duy trì quan hệ hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai nên chấp nhận đơn ly hôn của ông Thực cho ông Thực được ly hôn với bà T như vậy là phù hợp với thực tế và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Huyền T, sinh năm 1987 và Nguyễn Thanh L, sinh năm 1991. Các con đã trưởng thành nên tòa án không giải quyết.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Do ông Thực không có yêu cầu nên Tòa án không giải quyết, nếu các đương sự có tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

[5]. Về án phí: Tại phiên tòa ông Thực xác định có lương hưu nên mặc dù là người cao tuổi nhưng ông không yêu cầu miễn án phí ly hôn sơ thẩm, vì vậy, ông Thực phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 146, 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án có hiệu lực thi hành từ ngày 01.01.2017.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T, cho ông Thực được ly hôn bà Lê Kim T.

2. Về con chung: Con chung đã trưởng thành Tòa án không giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Do ông Thực không có yêu cầu nên Tòa án không giải quyết, nếu các đương sự có tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

4. Về án phí: Ông Thực phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước, được chuyển từ tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0000522 ngày 27/12/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

5. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết trong hạn 15 ngày, ông Thực được quyền kháng cáo bản án kể từ ngày tuyên án; bà T được quyền kháng cáo bản án kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án tại địa phương.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSNDTP. T;
- VKSND TP.Thái Nguyên
- THADSTP.Thái Nguyên;
- UBND Quán Triều,
TP. T;
- Đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thanh Nhân

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Thanh Nhàn

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSNDTP. T;
- VKSND TP.Thái Nguyên
- THADSTP.Thái Nguyên;
- UBND xã Sơn Cẩm,
TP. T;
- Dương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thanh Nhàn

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Thanh Nhàn

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSNDTTN;
- VKSND TPTN;
- THADSTPTN;
- Đương sự;
- UBND xã Sơn Cẩm, TPTN;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thanh Nhân

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Thanh Nhân

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSNDTTN;
- VKSND TPTN;
- THADSTPTN;
- Đường sự;
- UBND P.Phú Xá;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thanh Nhàn

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Thanh Nhàn

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSNDTTN;
- VKSND TPTN;
- THADSTPTN;
- Dương sự;
- UBND P.Quán Triều;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thanh Nhàn

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Thanh Nhàn

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSNDTTN;
- VKSND TPTN;
- THADSTPTN;
- Đường sự;
- UBND P.Quán Triều;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thanh Nhàn

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Thanh Nhàn

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Anh Thư

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND TPTN;
- THADS TPTN;
- UBND nơi ĐKKH;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(phường Cam Giá, TN);

- Các đương sự;

- Lưu hồ sơ; VT, BP.

Nguyễn Anh Thư

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Thị Hồng Thái

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND TPTN;
- THADS TPTN;
- UBND nơi ĐKKH;
(xã Hồng Tiến, Phồ Yên, TN);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; VT, BP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Mai Thị Hồng Thái

